

Số: 44/QĐST- HNGĐ

Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Tân Hoà, xã C C, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Lang Văn B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản Kẽ Sùng, xã Mậu Thạch, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T H, xã C C, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Lang Văn B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản K S, xã M Th, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung:Chị Chu Thị D và anh Lang Văn B thỏa thuận thống nhất giao cháu Lang Văn H, sinh ngày 10/6/2020 cho chị Chu Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Lang Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng/tháng kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Sau khi ly hôn anh Lang Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Chu Thị D và anh Lang Văn B thỏa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số: 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Chu Thị D và anh Lang Văn B thỏa thuận thống nhất chị Chu Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Nghệ An theo biên lai số 0000815 ngày 25/7/2025. Chị Chu Thị D đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã M Th, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án. VPTA.

THẨM PHÁN

Trần Văn Bảo